

Bản án số: 491/2019/DS-PT

Ngày: 17 - 10 - 2019

V/v: Tranh chấp thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2016/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2016 về việc: “Tranh chấp thừa kế”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1281/2015/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2310/2019/QĐPT ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1942. (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà C, đường D, tổ D, khu E, phường A, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: D, Khu phố C, phường A, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà D, ông T, bà N: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: D, Khu phố C, phường A, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1945. (có mặt)

Địa chỉ: A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1947 (có mặt)

Địa chỉ: A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1939 (vắng mặt)

Địa chỉ: G, Khu phố C, phường L, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: A, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1933.

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958

6. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960

7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.

8. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964.

9. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1967

10. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: T, Phường V, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1947 (vắng mặt)

12. Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1952 (vắng mặt)

13. Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1955 (vắng mặt)

14. Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1957 (vắng mặt)

15. Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Địa chỉ: 85 Rue de Vincennes 33000 Bordeaux – France

17. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Bà Nguyễn Ánh H, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Địa chỉ: A, Phường C, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: B, Khu phố C, phường P, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

20. Ông Nguyễn Hữu Phương A, sinh năm 1960 (đã chết)

Địa chỉ: Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông A:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951(vắng mặt)

Địa chỉ: A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Ánh H, sinh năm 1959(vắng mặt)

Địa chỉ: A, Phường C, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1960(vắng mặt)

Địa chỉ: A, khu phố C, phường P, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Ánh Đ, sinh năm 1961(vắng mặt)

Địa chỉ: K, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Hữu N. Sinh năm 1968(vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Ánh L. Sinh năm 1969 (vắng mặt)

21. Bà Nguyễn Thị Ánh Đ, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: K, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

22. Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Hữu Phương A, bà Nguyễn Thị Ánh Đ: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1950. (vắng mặt)

24. Bà Nguyễn Đình Cẩm T, sinh năm 1972 (có mặt)

25. Bà Nguyễn Đình Diễm T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

26. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1975 (vắng mặt)

27. Bà Mai Thị T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

28. Trẻ Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2006.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Nguyễn Thị Kim T: Bà Mai Thị T, sinh năm 1985.

29. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1977 (có mặt)
30. Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1979 (vắng mặt)
31. Trẻ Nguyễn Đình Minh D, sinh năm 2004
32. Trẻ Nguyễn Đình Cẩm N, sinh năm 1999

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Nguyễn Đình Minh D và trẻ Nguyễn Đình Cẩm N: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1979.

33. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. (vắng mặt)
34. Bà Nguyễn Thị Vân N, sinh năm 1988 (vắng mặt)
35. Trẻ Nguyễn Đình Minh K, sinh năm 2014.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Nguyễn Đình Minh K: Bà Nguyễn Thị Vân N, sinh năm 1988.

36. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1979 (vắng mặt)
37. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1982 (vắng mặt)
38. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Đinh Thị T, bà Nguyễn Đình Cẩm T, bà Nguyễn Đình Diễm T, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thúy H, bà Nguyễn Thị Thu N: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1942. (có mặt)

Cùng địa chỉ: A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn U

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông là con của ông Nguyễn Văn L (chết năm 1959) và bà Nguyễn Thị L (chết năm 1983). Cha mẹ ông có 07 người con chung gồm: ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn U, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H.

Ngoài ra, cha của ông còn có hai người con riêng là ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn D. Ngoài những người kể trên, cha mẹ ông không còn vợ, chồng hoặc con riêng nào khác.

Khi còn sống, cha mẹ ông tạo lập được căn nhà số A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông khởi kiện yêu cầu chia 194,4m² đất của căn nhà do cha mẹ để lại. Ông yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất, không tranh chấp phần nhà, không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp. Căn nhà hiện do ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn U quản lý, sử dụng.

Đồng nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày:

Ông là con của ông Nguyễn Văn N (chết năm 1993) và bà Phạm Thị K (chết năm 2004). Cha mẹ ông có 07 người con chung gồm: ông Nguyễn Hữu N,

bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Ánh H, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Hữu Phương A, bà Nguyễn Thị Ánh Đ, bà Nguyễn Thị Ánh L. Nay ông yêu cầu chia thừa kế di sản do ông bà nội để lại là giá trị quyền sử dụng đất của căn nhà số A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu được nhận giá trị đối với phần thừa kế mà lẽ ra cha của ông được hưởng nếu còn sống. Ông không tranh chấp phần nhà, không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U trình bày: Ông xác nhận về cha mẹ, hàng thừa kế và di sản thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày. Trước đây anh em ông đã bán một phần đất của cha mẹ để lại chia thừa kế riêng phần đang tranh chấp anh em thỏa thuận để cho ông và ông Nguyễn Văn T sử dụng. Đối với khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý chia phần nhà thờ do ông T đang sử dụng, không đồng ý chia phần nhà phía sau do ông sử dụng. Ông không tranh chấp giá trị nhà, không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông xác nhận về cha mẹ, hàng thừa kế và di sản thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày. Do ông độc thân nên được giao sử dụng một phần nhà để thờ cúng. Ông đồng ý chia toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất theo yêu cầu của nguyên đơn, không tranh chấp giá trị nhà, không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông xác nhận về cha mẹ, hàng thừa kế và di sản thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày. Ông đồng ý chia toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất theo yêu cầu của nguyên đơn, không tranh chấp giá trị nhà, không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc T2, ông Nguyễn Ngọc T3, bà Nguyễn Thị Ngọc Q là con của ông Nguyễn Văn D (chết năm 1980) và bà Nguyễn Thị H (chết năm 2014) đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T là vợ và con của ông Nguyễn Văn C (chết năm 1989) đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Ánh H, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Hữu Phương A, bà Nguyễn Thị Ánh Đ, bà Nguyễn Thị Ánh L là con của ông Nguyễn Văn N (chết năm 1993) và bà Phạm Thị K (chết năm 2004) đã ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu N làm đại diện có cùng ý kiến và yêu cầu như nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Hải là con của bà Nguyễn Thị N (chết năm 2000) và ông Nguyễn Văn Bông (chết năm 1995) đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị T, bà Nguyễn Đình

Cẩm T, bà Nguyễn Đình Diễm T, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thúy H, bà Nguyễn Thị Thu N (là vợ và con của ông Nguyễn Văn U) là những người đang cư ngụ tại nhà đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn U làm đại diện có cùng ý kiến và yêu cầu như ông U.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1281/2015/DS-ST ngày 26/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng Khoản 5 Điều 25, Khoản 3 Điều 33, 37, 128, 131, điểm b Khoản 2 Điều 199, Khoản 1 Điều 202, 245 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 2 Điều 305, Điều 645, 640, 676, 677, 638, 683 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết, số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998 và Nghị quyết số 1037/2006/NQUBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Hữu N.

Xác định căn nhà số A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L.

Xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L là 08 người và phân chia giá trị quyền sử dụng đất là di sản của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L như sau:

- Ông Nguyễn Văn C nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn T nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn U nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn H nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn C (chết năm 1989 có vợ là bà Nguyễn Thị Đ và con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H) nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất

- Ông Nguyễn Văn N (chết năm 1993, có con là Nguyễn Ánh H, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Hữu Phương A, Nguyễn Thị Ánh Đ, Nguyễn Thị Ánh L, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Thị H) nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Bà Nguyễn Thị N (chết năm 2000, có con là Lê Thanh H) nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất.

- Ông Nguyễn Văn D (chết năm 1980 có thừa kế thế vị là Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Thị Ngọc Q) nhận 648.000.000đồng tương đương 5,6% giá trị quyền sử dụng đất.

Ghi nhận các thừa kế đồng ý cho ông Nguyễn Văn U và ông Nguyễn Văn T thanh toán tiền trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu quá thời hạn nêu trên mà ông U và ông T không thực hiện nghĩa vụ thì các thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án đấu giá căn nhà số A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh để chia giá trị quyền sử dụng đất. Sau khi trừ 190.840.800đồng giá trị nhà cho ông Nguyễn Văn U, ông Nguyễn Văn T và các chi phí liên quan đến việc đấu giá nhà (hoặc bán nhà), giá trị thực mãi còn lại được chia cho các thừa kế theo tỷ lệ nêu trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế không yêu cầu chia giá trị nhà.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp.

Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí đo vẽ, định giá và đã thực hiện xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/12/2015 ông Nguyễn Văn U kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu ông và ông T được giữ $\frac{1}{2}$ đất để ở, $\frac{1}{2}$ đất còn để chia thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn U trình bày: Ông và ông T chỉ có duy nhất chỗ này để ở, tất cả gia đình gồm 17 người đều ở đó. Các anh chị em trước kia thương nhau nói cho ông và ông T do tin tưởng nên không làm giấy tờ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chia thừa kế $\frac{1}{2}$ diện tích đất nêu trên, nếu xét thấy vi phạm tố tụng thì hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định.

Người đại diện cho những người kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn trình bày: không nghe bố mình là ông C và các bác trong gia đình nói về việc cho $\frac{1}{2}$ nhà và đất cho ông U và ông T. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo của các đương sự lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Ông U kháng cáo yêu cầu giải quyết cho ông và ông T giữ lại $\frac{1}{2}$ căn nhà đất để ở, đất còn lại chia thừa kế nhưng không cung cấp được tài liệu gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Mặt khác, các đồng thừa kế không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo ông U, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ được chấp nhận.

Sau khi thụ lý vụ án phúc thẩm, ngày 02/3/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Phương A chết, cha mẹ ông đã chết, ông không có vợ con nên người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông gồm 6 anh chị em gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Ánh H, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị Ánh Đ, ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị Ánh L. Ngày 31/10/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Văn C chết, vợ ông C đã chết nên những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông C là 4 người con gồm bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thu N theo đúng quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguồn gốc căn nhà số A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản do ông Nguyễn Văn L (chết năm 1959) và bà Nguyễn Thị L (chết năm 1983) để lại không có di chúc. Ông L và bà L có 07 người con chung gồm:

- Ông Nguyễn Văn C;
- Ông Nguyễn Văn T;
- Nguyễn Văn U;
- Ông Nguyễn Văn H;
- Ông Nguyễn Văn C, chết năm 1989, có vợ là bà Nguyễn Thị Đ và sáu người con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H;
- Ông Nguyễn Văn N, chết năm 1993, có vợ là bà Phạm Thị K chết năm 2004 và bảy người con là Nguyễn Ánh H, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Hữu Phương A, Nguyễn Thị Ánh Đ, Nguyễn Thị Ánh L, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Thị H;
- Bà Nguyễn Thị N, chết năm 2000, có chồng là ông Lê Văn Bông chết năm 1995 và một người con là Lê Thanh H.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn L còn có hai con riêng là Nguyễn Văn T chết lúc nhỏ và Nguyễn Văn D, chết năm 1980 có vợ là bà Nguyễn Thị H chết năm 2014 và bảy người con là Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Ngọc Phước (chết lúc nhỏ). Ngoài những người kể trên, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L không còn vợ hoặc chồng hoặc con riêng nào khác.

Tại cấp sơ thẩm tòa án đã xác định chia di sản thừa kế là có căn cứ:

- Về thời hiệu thừa kế: Ông Nguyễn Văn L chết năm 1959 và bà Nguyễn Thị L chết năm 1983, đây là trường hợp thừa kế mở trước ngày 01/7/1991 mà có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia. Căn cứ Pháp lệnh thừa kế năm 1980, Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998 và Nghị quyết số 1037/2006/NQUBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

xác định thời hiệu khởi kiện chia thừa kế còn.

- Về hàng thừa kế:

Căn cứ Điều 676, 677 Bộ luật dân sự, xác định những người thừa kế của ông Nguyễn Văn L (chết năm 1959) gồm 09 người là vợ Nguyễn Thị L và các con: Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn Hét, Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn D.

Xác định những người thừa kế của bà Nguyễn Thị L (chết năm 1983) gồm 07 người con là Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị N.

- Về di sản thừa kế:

Qua lời thừa nhận của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định căn nhà số A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L nên mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản.

Theo Biên bản định giá ngày 20/5/2015, giá trị quyền sử dụng đất là 11.664.000.000đồng, giá trị nhà là 190.840.800đồng. Do nguyên đơn tự nguyện không tranh chấp giá trị nhà nên di sản chỉ còn giá trị quyền sử dụng đất là 11.664.000.000đồng. Vậy phần ông L là 5.832.000.000 đồng, phần bà L là 5.832.000.000đồng.

Xác định $\frac{1}{2}$ nhà đất tại số A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản do ông Nguyễn Văn L để lại có giá trị bằng 5.832.000.000 đồng được chia thành 09 phần bằng nhau cho 09 người thừa kế gồm bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T; ông Nguyễn Văn U; ông Nguyễn Văn H; ông Nguyễn Văn C (chết năm 1989 có vợ là bà Nguyễn Thị Đ và con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H); ông Nguyễn Văn N (chết năm 1993 có vợ là bà Nguyễn Thị Đ con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H); bà Nguyễn Thị N (chết năm 2000, con là Lê Thanh H); ông Nguyễn Văn D (chết năm 1980 có thừa kế thế vị là Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Thị Ngọc Q), mỗi người được nhận 648.000.000đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị L, ngoài 5.832.000.000đồng sở hữu riêng, bà còn được nhận 648.000.000đồng từ việc chia di sản của ông L nên phần bà L sẽ là 6.480.000.000đồng được chia thành 07 phần bằng nhau cho 07 người thừa kế gồm ông Nguyễn Văn C; ông Nguyễn Văn T; ông Nguyễn Văn U; ông Nguyễn Văn H; ông Nguyễn Văn C (chết năm 1989 có vợ là bà Nguyễn Thị Đ và con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H); ông Nguyễn Văn N (chết năm 1993 có vợ là bà Nguyễn Thị Đ và con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị M); bà Nguyễn Thị N (chết năm 2000, có con là Lê Thanh H), mỗi người được nhận 925.714.285đồng.

Như vậy, cộng chung cả 02 lần chia, các thừa kế là con chung của ông L

và bà L sẽ nhận:

$648.000.000\text{đồng} + 925.714.285\text{đồng} = 1.573.714.285\text{đồng/người}.$

Riêng ông Nguyễn Văn D là con riêng của ông L được nhận 648.000.000đồng.

Do ông Nguyễn Văn U và ông Nguyễn Văn T đang sử dụng nhà nên ưu tiên cho hai ông được nhận nhà và chịu trách nhiệm hoàn trả giá trị cho các thừa kế khác. Ghi nhận các thừa kế đồng ý cho ông U và ông T thanh toán tiền trong thời hạn 01 tháng. Nếu quá thời hạn nêu trên mà ông U và ông T không thực hiện nghĩa vụ thì các thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án đấu giá căn nhà số A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh để chia giá trị quyền sử dụng đất. Sau khi trừ 190.840.800 đồng giá trị nhà cho ông U, ông T và các chi phí liên quan đến việc đấu giá nhà (hoặc bán nhà), giá trị thực mãi còn lại được chia cho các thừa kế theo tỷ lệ như sau:

- Ông Nguyễn Văn C (chết năm 2018 có con là Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thu N) nhận 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn T nhận 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn U nhận 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn H nhận 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn C (chết năm 1989 có vợ là bà Nguyễn Thị Đ và con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H) nhận 13,49% giá trị quyền sử dụng đất.

- Ông Nguyễn Văn N (chết năm 1993, có con là Nguyễn Ánh H, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị Ánh Đ, Nguyễn Thị Ánh L, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Thị H và Nguyễn Hữu Phương A(đã chết năm 2017 có 6 anh chị em gồm Nguyễn Thị H, Nguyễn Ánh H, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị Ánh Đ, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Thị Ánh L) nhận 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Bà Nguyễn Thị N (chết năm 2000, có con là Lê Thanh H) nhận 13,49% giá trị quyền sử dụng đất.

- Ông Nguyễn Văn D (chết năm 1980 có thừa kế thế vị là Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Ngọc T3. Nguyễn Thị Ngọc Q) nhận 5,6% giá trị quyền sử dụng đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp.

Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí đo vẽ, định giá và đã thực hiện xong.

Ghi nhận ý kiến của các thừa kế thế vị không yêu cầu chia kỷ phần được nhận trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

Ông Nguyễn Văn U kháng cáo cho rằng các anh em đã cho ông và ông T

½ diện tích đất trên nhưng không có giấy tờ chứng minh nên Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không chấp nhận kháng cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn U là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn U.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng Khoản 5 Điều 25, Khoản 3 Điều 33, 37, 128, 131, điểm b Khoản 2 Điều 199, Khoản 1 Điều 202, 245 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 2 Điều 305, Điều 645, 640, 676, 677, 638, 683 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998 và Nghị quyết số 1037/2006/NQUBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Hữu N.

Xác định căn nhà số A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L.

Xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L là 08 người và phân chia giá trị quyền sử dụng đất là di sản của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L như sau:

- Ông Nguyễn Văn C (chết năm 2018 có con là bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thu N) nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn T nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn U nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn H nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Ông Nguyễn Văn C (chết năm 1989 có vợ là bà Nguyễn Thị Đ và con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H) nhận 1.573.714.285 đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử

dụng đất

- Ông Nguyễn Văn N (chết năm 1993, có con là Nguyễn Ánh H, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị Ánh Đ, Nguyễn Thị Ánh L, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Thị H và Nguyễn Hữu Phương A(đã chết năm 2017 có 6 anh chị em gồm Nguyễn Thị H, Nguyễn Ánh H, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị Ánh Đ, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Thị Ánh L) nhận 1.573.714.285đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất;

- Bà Nguyễn Thị N (chết năm 2000, có con là Lê Thanh H) nhận 1.573.714.285đồng tương đương 13,49% giá trị quyền sử dụng đất.

- Ông Nguyễn Văn D (chết năm 1980 có thừa kế thế vị là Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Thị Ngọc Q) nhận 648.000.000đồng tương đương 5,6% giá trị quyền sử dụng đất.

Ghi nhận các thừa kế đồng ý cho ông Nguyễn Văn U và ông Nguyễn Văn T thanh toán tiền trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu quá thời hạn nêu trên mà ông U và ông T không thực hiện nghĩa vụ thì các thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án đấu giá căn nhà số A Đ, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh để chia giá trị quyền sử dụng đất. Sau khi trừ 190.840.800đồng giá trị nhà cho ông Nguyễn Văn U, ông Nguyễn Văn T và các chi phí liên quan đến việc đấu giá nhà (hoặc bán nhà), giá trị thực mãi còn lại được chia cho các thừa kế theo tỷ lệ nêu trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế không yêu cầu chia giá trị nhà.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp.

Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí đo vẽ, định giá và đã thực hiện xong.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn U được miễn án phí được hoàn trả lại số tiền 200.000 đồng ông đã nộp theo biên lai thu số 09861 ngày 06/01/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
(1)
- Đương sự (20)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 31b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân